

Số: 41/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức dự toán một số sản phẩm, dịch vụ công
trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ
công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dự án công ích đô thị;
Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương,
chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân
sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;
Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chi tiêu kinh tế kỹ thuật
và đo bóc khối lượng công trình;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 72/TTr-SXD ngày
17/11/2022).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành định mức dự toán 05 sản phẩm, dịch vụ công, gồm: Bảo vệ công viên, quảng trường; vận hành hệ thống nhạc nước; quản trang; cứu hộ, cứu nạn bãi tắm biển; sàng cát bãi tắm biển làm cơ sở để xác định và quản lý chi phí, giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng định mức dự toán 05 sản phẩm, dịch vụ công, gồm: Bảo vệ công viên, quảng trường; vận hành hệ thống nhạc nước; quản trang; cứu hộ, cứu nạn bãi tắm biển; sàng cát bãi tắm biển để xác định và quản lý chi phí, giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Định mức dự toán

1. Bảo vệ công viên, quảng trường:

a) Thành phần công việc

Bố trí lực lượng bảo vệ phù hợp, đảm bảo an ninh, trật tự khu vực và tài sản trong công viên, quảng trường. Thực hiện bảo vệ 3 ca/ngày đêm.

b) Định mức dự toán

Đơn vị tính: 1 ha/ngày đêm

| Mã hiệu | Công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|----------|--------------------------------|----------------------------------|--------|----------|
| TH.00110 | Bảo vệ công viên, quảng trường | Nhân công Công nhân bậc 3,5/7 | Công | 0,593 |

2. Vận hành hệ thống nhạc nước:

a) Thành phần công việc

Chuẩn bị, kiểm tra tình trạng kỹ thuật hồ nước, vòi phun, đèn chiếu sáng, bơm, hệ thống điện và âm thanh trước và sau buổi biểu diễn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn. Khởi động hệ thống, lập trình chương trình và chạy chương trình buổi biểu diễn theo kịch bản yêu cầu.

b) Định mức dự toán

Đơn vị tính: 1 buổi/hệ thống

| Mã hiệu | Công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|----------|---|------------------------|--------|----------|
| TH.00211 | Vận hành hệ thống nhạc nước (50 < số lượng vòi phun ≤ 150) theo kịch bản 1 | Nhân công | | |
| | | Kỹ thuật viên bậc 8/12 | Công | 0,321 |
| TH.00212 | Vận hành hệ thống nhạc nước (50 < số lượng vòi phun ≤ 150) theo kịch bản 2 | Nhân công | | |
| | | Kỹ thuật viên bậc 8/12 | Công | 0,424 |
| TH.00221 | Vận hành hệ thống nhạc nước (150 < số lượng vòi phun ≤ 300) theo kịch bản 1 | Nhân công | | |
| | | Kỹ thuật viên bậc 8/12 | Công | 0,413 |
| TH.00222 | Vận hành hệ thống nhạc nước (150 < số lượng vòi phun ≤ 300) theo kịch bản 2 | Nhân công | | |
| | | Kỹ thuật viên bậc 8/12 | Công | 0,516 |
| | | Công nhân bậc 3,5/7 | Công | 0,516 |

Kịch bản 1: Biểu diễn 01 suất/buổi biểu diễn, thời gian 60 phút/suất;

Kịch bản 2: Biểu diễn 02 suất/buổi biểu diễn, thời gian 45 phút/suất.

3. Quản trang:

a) Thành phần công việc

Bố trí lực lượng phù hợp, đảm bảo trật tự, vệ sinh khu vực và tài sản trong nghĩa trang; kiểm tra, quản lý hoạt động nghĩa trang theo quy định của thành phố Tuy Hoà. Thực hiện trực 03 ca/ngày đêm.

b) Định mức dự toán

Đơn vị tính: 1 ha/ngày đêm

| Mã hiệu | Công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|----------|------------------------|----------------------------------|--------|----------|
| TH.00310 | Quản trang nghĩa trang | Nhân công Công nhân bậc 3,5/7 | Công | 0,068 |

4. Cứu hộ, cứu nạn bãi tắm biển:

a) Thành phần công việc

Bố trí lực lượng trực cứu hộ, cứu nạn phù hợp, đảm bảo trật tự, an toàn khu vực cho người và tài sản trên bãi tắm. Thực hiện trực cứu hộ từ 4h÷8h, 11h÷13h30, 16h÷19h. Phạm vi cứu hộ, cứu nạn với chiều dài bãi tắm từ $\geq 0,2\text{km}$ đến $\leq 1,2\text{km}$

b) Định mức dự toán

Đơn vị tính: Bãi tắm/ngày

| Mã hiệu | Công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|----------|------------------------------|----------------------------------|--------|----------|
| TH.00410 | Cứu hộ, cứu nạn bãi tắm biển | Nhân công Công nhân bậc 4,0/7 | Công | 3,0 |

5. Sàng cát bãi tắm biển:

a) Thành phần công việc

Chuẩn bị, sàng cát bãi biển bằng máy; thu nhặt rác quá cỡ, rác còn sót lại sau máy sàng hoặc tại các vị trí máy không vào được bằng thủ công; thu gom vận chuyển rác thải đến vị trí tập kết bằng thủ công trong phạm vi 500m.

b) Định mức dự toán

Đơn vị tính: 10.000m² bãi biển/lần

| Mã hiệu | Công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|----------|--------------------------------------|---|--------|----------|
| TH.00510 | Sàng cát bãi tắm biển (cát biển khô) | Nhân công Công nhân bậc 3,5/7 | Công | 0,362 |
| | | Máy thi công Xe sàng cát bãi biển 110 CV | Ca | 0,173 |
| TH.00520 | Sàng cát bãi tắm biển (cát biển ướt) | Nhân công Công nhân bậc 3,5/7 | Công | 0,723 |
| | | Máy thi công Xe sàng cát bãi biển 110 CV | Ca | 0,345 |

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2023.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện, kịp thời theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này;

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; UBND thành phố Tuy Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ